

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 756/QĐ-ĐHLĐXH ngày 24 tháng 4 năm 2017
Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)*

1. Tên học phần: Công tác xã hội cá nhân và gia đình; **Mã học phần:** CNGĐ0323H

2. Số tín chỉ: 03 (40, 10, 90)

3. Trình độ: Sinh viên đại năm thứ 2 ngành Công tác xã hội

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết (LT): 40 tiết
- Thảo luận (TL): 10 tiết (trong đó có 01 tiết kiểm tra)
- Tự học (TH): 90 giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết công tác xã hội.

6. Mục tiêu của học phần

- **Kiến thức:**

- Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về công tác xã hội cá nhân như khái niệm, lịch sử hình thành của Công tác xã hội cá nhân, vai trò chức năng của nhân viên xã hội, tiến trình làm việc với cá nhân, những kiến thức về các kỹ năng/kỹ thuật tác nghiệp trong công tác xã hội cá nhân.

- Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về công tác xã hội với gia đình như khái niệm, những lĩnh vực thực hành trong công tác xã hội với gia đình, tiến trình làm việc với gia đình theo cấp độ nhu cầu, một số kỹ năng trong công tác xã hội với gia đình.

- Sinh viên hiểu và phân tích được các mô hình/các cách tiếp cận trong công tác xã hội cá nhân và gia đình.

- **Kỹ năng:**

- Sinh viên hiểu và thực hành/vận dụng được các kỹ năng làm việc với cá nhân một cách hiệu quả như : kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lắng nghe tích cực, thấu cảm, quan sát, phản hồi, đặt câu hỏi, vấn đàm...các kỹ năng làm việc với gia đình như: vãng gia, biện hộ, tham vấn gia đình, vẽ sơ đồ phả hệ và kỹ năng tổ chức các cuộc họp gia đình, đồng thời tiếp cận và vận dụng được các mô hình/chiến lược và kỹ thuật can thiệp khác nhau trong quá trình giúp đỡ cá nhân và gia đình.

- **Thái độ:**

- Sinh viên có lòng say mê, nhiệt huyết và yêu nghề, tôn trọng triết lý nghề công tác xã hội, tuân thủ nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp.

- Sinh viên luôn thể hiện sự tự nhận thức giá trị nghề nghiệp trong quá trình học tập cũng như trong quá trình giúp đỡ đối tượng sau này

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác xã hội với cá nhân và gia đình: Các khái niệm; Lịch sử hình thành, tầm quan trọng, tiến trình làm việc với cá nhân và gia đình; Các kỹ năng và kỹ thuật tác nghiệp trong công tác xã hội cá nhân.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp: 80% số giờ trở lên
- Đọc tài liệu có liên quan đến học phần
- Làm bài tập có liên quan đến học phần
- Thực hiện các hoạt động thảo luận nhóm
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ
- Hoàn thành bài tiểu luận kết thúc học phần

9. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Thị Thái Lan – Bùi Thị Xuân Mai (2011). *Giáo trình Công tác xã hội cá nhân và gia đình*. Nhà xuất bản Lao động Xã hội

[2] Bùi Thị Xuân Mai, Nguyễn Thị Thái Lan, Lim Shaw Hui (2008). *Giáo trình Tham vấn và thực hành tham vấn*. Nhà xuất bản Lao động Xã hội.

[3]. Bùi Thị Xuân Mai (2010). *Nhập môn Công tác xã hội*. Nhà xuất bản Lao động Xã hội.

[4]. Nguyễn Thị Hồng Nga (2009). *Gia đình học*. Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

[5]. Trần Thị Minh Đức (2014). *Giáo trình Tham vấn tâm lý*. Nhà xuất bản ĐH quốc gia Hà Nội.

[6]. *Giáo trình CTXH với NKT* (2014), Nhà xuất bản LĐXH.

[7]. Bùi Thị Xuân Mai, Nguyễn Tố Như (2013). *Giáo trình Tham vấn điều trị nghiện ma túy*. Nhà xuất bản LĐXH.

[8]. Nguyễn Thị Thanh Hương (2015), *Bài tập thực hành CTXH*

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

TT	Nội dung	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Điểm đánh giá bộ phận	- Giảng viên điểm danh qua các buổi học - Tích cực tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài qua các buổi học - Báo cáo kết quả nghiên cứu của nhóm – cách thức trình bày nội dung nghiên cứu (<i>Mỗi nhóm sẽ phải nộp báo cáo nghiên cứu và thuyết trình kết quả nghiên cứu tại các buổi thảo luận với các nội dung được phân công</i>)	20%
2	Thi kết thúc học phần	- Bài kiểm tra viết trên lớp - Bài tiểu luận do sinh viên nghiên cứu	20% 60%

11. Thang điểm:

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (tiết)					Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	BTL	KT	
1	Chương I: Những vấn đề chung về CTXHHCN	[1], [3]	7	6	1			15
2	Chương II: Tiến trình CTXHHCN	[1], [5]	10	9	2			20
3	Chương III: Kỹ năng và kỹ thuật tác nghiệp trong CTXHHCN	[1], [2],[6]	13	10	2		1	22
4	Chương IV: Những vấn đề chung về CTXH với Gia đình	[1], [4],[7], [8]	9	7	2			16
5	Chương V: Tiến trình giải quyết vấn đề gia đình theo cấp độ nhu cầu.	[1], [2]	11	8	2			16
	Tổng số		50	40	9	0	1	90

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; BTL: Bài tập lớn.

B. Nội dung chi tiết

Phần 1. CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN

Chương I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN.

1. Khái niệm, vị trí, vai trò của Công tác xã hội cá nhân

1.1 Khái niệm công tác xã hội cá nhân

1.2 Vị trí của công tác xã hội cá nhân

1.3 Các khái niệm liên quan

2. Lịch sử hình thành công tác xã hội cá nhân

- 2.1 Sự hình thành công tác xã hội trên thế giới
 - 2.1.1 Giai đoạn từ trợ giúp từ thiện đến từ thiện khoa học (thế kỉ XIX)
 - 2.1.2 Thời kì hình thành cơ sở khoa học phương pháp Công tác xã hội cá nhân (đầu thế kỉ XX đến những năm 50)
 - 2.1.3 Thời kỳ phát triển chuyên nghiệp (từ thập kỷ 50 của thế kỷ XX đến nay)
- 2.2 Công tác xã hội cá nhân ở Việt Nam
- 3. Các thành tố trong công tác xã hội cá nhân
 - 3.1 Con người (đối tượng và nhân viên xã hội)
 - 3.1.1 Đối tượng/thân chủ
 - 3.1.2 Nhân viên xã hội (NVXH)
 - 3.2 Vấn đề của đối tượng
 - 3.3 Tổ chức, cơ quan cung cấp dịch vụ xã hội
 - 3.4 Tiến trình công tác xã hội cá nhân
- 4. Vai trò, chức năng của nhân viên xã hội trong công tác xã hội cá nhân.
 - 4.1 Vai trò, chức năng của nhà giáo dục
 - 4.2 Vai trò, chức năng của nhà tham vấn
 - 4.3 Vai trò, chức năng của người kết nối
 - 4.4 Vai trò, chức năng của người biện hộ
 - 4.5 Vai trò, chức năng của người quản lý ca/trường hợp
 - 4.6 Vai trò, chức năng của nhà chuyên môn
- 5. Một số lưu ý trong quá trình tuân thủ giá trị đạo đức trong công tác xã hội cá nhân.
 - 5.1 Giá trị tôn trọng phẩm giá và năng lực của cá nhân đối tượng
 - 5.2 Giá trị tính khác biệt của mỗi cá nhân
 - 5.3. Giá trị tôn trọng tính tự quyết của cá nhân
- 6. Một số mô hình ứng dụng trong công tác xã hội cá nhân.
 - 6.1 Mô hình tập trung vào nhiệm vụ
 - 6.2 Mô hình can thiệp khủng hoảng trong công tác xã hội cá nhân
- Chương II. TIẾN TRÌNH CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN**
 - 2.1. Giai đoạn 1: TIẾP NHẬN ĐỐI TƯỢNG
 - 2.1.1 Cách thức tiếp nhận đối tượng
 - 2.1.2 Đánh giá nhu cầu hỗ trợ khẩn cấp của đối tượng
 - 2.1.3 Thông báo cho đối tượng về vai trò và mục tiêu hỗ trợ
 - 2.1.4 Đánh giá ban đầu về vấn đề của đối tượng
 - 2.1.5 Ghi hồ sơ thông tin ban đầu về đối tượng
 - 2.2. Giai đoạn 2: THU THẬP THÔNG TIN
 - 2.2.1 Những nội dung thông tin cần thu thập
 - 2.2.2 Nguồn thu thập thông tin
 - 2.2.3 Phương pháp thu thập thông tin
 - 2.2.4 Các bước thu thập thông tin
 - 2.3. Giai đoạn 3: ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ
 - 2.3.1 Đánh giá và xác định vấn đề

- 2.3.2 Xác định vấn đề
- 2.3.3 Phân tích những điểm mạnh và điểm hạn chế
- 2.3.4 Sắp xếp thứ tự ưu tiên các vấn đề
- 2.4. Giai đoạn 4: LẬP KẾ HOẠCH CAN THIỆP HỖ TRỢ
 - 2.4.1 Xác định mục tiêu
 - 2.4.2 Xác định các hoạt động can thiệp
- 2.5. Giai đoạn 5: TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CAN THIỆP HỖ TRỢ
 - 2.5.1 Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện kế hoạch
 - 2.5.2 Hỗ trợ đối tượng thực hiện kế hoạch
- 2.6. Giai đoạn 6: LƯỢNG GIÁ, KẾT THÚC VÀ CHUYỂN GIAO
 - 2.6.1 Lượng giá
 - 2.6.2 Kết thúc/đóng hồ sơ
 - 2.6.3 Chuyển giao

Chương III. KĨ NĂNG VÀ KỸ THUẬT TÁC NGHIỆP TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN

- 1. Kĩ năng công tác xã hội cá nhân
 - 1.1 Kĩ năng giao tiếp ngôn ngữ và giao tiếp phi ngôn ngữ
 - 1.1.1 Giao tiếp ngôn ngữ
 - 1.1.2 Giao tiếp phi ngôn ngữ
 - 1.2 Kĩ năng lắng nghe tích cực
 - 1.2.1 Khái niệm, mục đích, kết quả của lắng nghe tích cực
 - 1.2.2 Một số hướng dẫn cần thiết trong lắng nghe tích cực
 - 1.2.3 Những cản trở khi thực hiện kĩ năng lắng nghe tích cực
 - 1.3 Kĩ năng quan sát
 - 1.3.1 Khái niệm
 - 1.3.2 Các yếu tố cần quan sát
 - 1.4 Kĩ năng thấu cảm
 - 1.4.1 Khái niệm:
 - 1.4.2 Các nguyên tắc hướng dẫn việc sử dụng kĩ năng thấu cảm căn bản
 - 1.5 Kĩ năng đặt câu hỏi
 - 1.5.1 Khái niệm
 - 1.5.2 Các loại câu hỏi
 - 1.5.3 Những lưu ý khi sử dụng kĩ năng đặt câu hỏi
 - 1.6 Kĩ năng phản hồi
 - 1.6.1 Khái niệm
 - 1.6.2 Các hình thức phản hồi
 - 1.7 Kĩ năng vấn đàm/phỏng vấn
 - 1.7.1 Khái niệm, mục đích, yêu cầu của phỏng vấn/vấn đàm
 - 1.7.2 Các loại vấn đàm
 - 1.7.3 Các bước tiến hành một cuộc vấn đàm
 - 1.7.4 Một số kĩ năng cần thiết trong vấn đàm
 - 1.8 Kĩ năng tham vấn

- 1.8.1 Khái niệm
- 1.8.2 Mục đích của tham vấn
- 1.8.3 Các bước tiến hành tham vấn cá nhân
- 1.9 Kỹ năng biện hộ
- 1.9.1 Khái niệm
- 1.9.2 Thực hiện biện hộ
- 1.10 Kỹ năng xử lý căng thẳng thần kinh
- 1.10.1 Khái niệm
- 1.10.2 Nguyên nhân và nhân tố ảnh hưởng
- 1.10.3 Các loại căng thẳng thần kinh
- 1.10.4 Các phản ứng của căng thẳng thần kinh
- 1.10.5 Cách thức can thiệp sự căng thẳng
- 1.11 Kỹ năng xử lý khủng hoảng
- 1.11.1 Khái niệm
- 1.11.2 Loại hình khủng hoảng
- 1.11.3 Các giai đoạn của tình trạng khủng hoảng
- 1.11.4 Một số cảm xúc và phản ứng thường xảy ra trong khi khủng hoảng
- 1.11.5 Kỹ năng can thiệp tình trạng khủng hoảng
- 1.11.6 Cách thức giúp đỡ đối tượng đối phó với cảm xúc mạnh trong tình trạng khủng hoảng
- 1.11.7 Các bước giúp đỡ đối tượng đang trong tình trạng khủng hoảng
- 1.12 Kỹ năng ghi chép và lưu trữ hồ sơ công tác xã hội cá nhân.
- 1.12.1 Kỹ năng ghi chép hồ sơ
- 1.12.2 Kỹ năng lưu trữ hồ sơ
- 2. Một số kỹ thuật tác nghiệp sử dụng trong công tác xã hội cá nhân
- 2.1 Các kỹ thuật giúp đối tượng vận động, thay đổi không khí, tạo hoạt động vui vẻ và trị liệu
- 2.1.1 Liệu pháp thư giãn
- 2.1.2 Tổ chức các trò chơi trị liệu.
- 2.2 Các kỹ thuật giúp đối tượng nói ra suy nghĩ, tình cảm
- 2.2.1 Sử dụng ngôn ngữ viết
- 2.2.2 Vẽ tranh, cắt dán giấy, nặn đất
- 2.2.3 Sử dụng tranh ảnh
- 2.3 Các kỹ thuật sử dụng lấy ý kiến, giúp các đối tượng học kỹ năng mới.
- 2.3.1 Sắm vai
- 2.3.2 Mệnh đề tôi

Phần 2: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI GIA ĐÌNH

Chương IV. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI GIA ĐÌNH.

- 1. Các khái niệm
- 1.1 Khái niệm về gia đình và chức năng của gia đình
- 1.1.1 Khái niệm về gia đình

- 1.1.2 Chức năng của gia đình
- 1.1.3 Phân loại gia đình
- 1.2 Công tác xã hội với gia đình
 - 1.2.1 Khái niệm
 - 1.2.2 Vai trò của nhân viên xã hội trong Công tác xã hội với gia đình
- 1.3 Các khái niệm liên quan khác
 - 1.3.1. Trị liệu gia đình
 - 1.3.2. Gia đình học
 - 1.3.3. Tham vấn gia đình
- 1.4 Đặc trưng của gia đình Việt Nam
- 1.5 Các vấn đề thường gặp trong các gia đình Việt Nam
- 2. Những vấn đề chú trọng trong công tác xã hội với gia đình
 - 2.1 Áp lực từ hệ thống vĩ mô (vấn đề về văn hoá, xã hội và chính trị)
 - 2.2 Lợi ích của cá nhân hay gia đình
 - 2.3 Sự chấp thuận được thông báo trước
- 3. Những lĩnh vực thực hành của công tác xã hội với gia đình
 - 3.1 Gia đình nghèo
 - 3.1.1 Đặc điểm của gia đình nghèo
 - 3.1.2 Hoạt động can thiệp của nhân viên xã hội
 - 3.2 Gia đình có bạo lực
 - 3.2.1 Đặc điểm của gia đình có bạo lực
 - 3.2.2 Hoạt động can thiệp của nhân viên xã hội
 - 3.3 Gia đình có thành viên là người khuyết tật
 - 3.3.1 Đặc điểm gia đình có thành viên là người khuyết tật
 - 3.3.2 Hoạt động can thiệp của nhân viên xã hội
 - 3.4 Gia đình có thành viên lạm dụng chất gây nghiện
 - 3.4.1 Đặc điểm của gia đình có thành viên lạm dụng chất gây nghiện
 - 3.4.2 Hoạt động can thiệp của nhân viên xã hội
 - 3.5 Gia đình có xung đột giữa các thế hệ
 - 3.5.1 Đặc điểm của đình có xung đột giữa các thế hệ
 - 3.5.2 Hoạt động can thiệp của nhân viên xã hội
- 4. Các cách tiếp cận trong công tác xã hội với gia đình
 - 4.1 Tiếp cận hệ sinh thái
 - 4.1.1 Giới thiệu chung
 - 4.1.2 Áp dụng vào công tác xã hội với gia đình
 - 4.2 Tiếp cận trị liệu cấu trúc
 - 4.2.1 Giới thiệu chung
 - 4.2.2 Áp dụng vào công tác xã hội với gia đình
 - 4.3 Tiếp cận can thiệp qua học tập xã hội
 - 4.3.1 Giới thiệu chung
 - 4.3.2 Áp dụng vào công tác xã hội với gia đình
 - 4.4 Tiếp cận can thiệp tập trung vào giải pháp

- 4.4.1 Giới thiệu chung về tiếp cận can thiệp tập trung vào giải pháp
- 4.4.2 Áp dụng vào công tác xã hội với gia đình
- 4.5 Tiếp cận can thiệp vào hệ thống gia đình
- 4.5.1 Giới thiệu chung cách tiếp cận can thiệp vào hệ thống gia đình
- 4.5.2 Áp dụng vào công tác xã hội với gia đình
- 4.6 Tiếp cận can thiệp kể chuyện
- 4.6.1 Những vấn đề chung về cách tiếp cận can thiệp kể chuyện
- 4.6.2 Áp dụng vào công tác xã hội với gia đình
- 4.7. Tiếp cận theo các cấp độ nhu cầu
- 4.7.1. Các cấp độ nhu cầu của gia đình
- 4.7.2. Quản lý ca trong quá trình hỗ trợ gia đình theo cấp độ nhu cầu

Chương V. TIẾN TRÌNH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH THEO CẤP ĐỘ NHU CẦU

- 1. Tiến trình làm việc với gia đình theo cấp độ nhu cầu
- 1.1 Tiếp nhận ca/mở hồ sơ ca
- 1.2 Thu thập thông tin
- 1.3 Đánh giá cấp độ nhu cầu gia đình
- 1.4 Xây dựng kế hoạch đáp ứng nhu cầu
- 1.5 Hỗ trợ triển khai kế hoạch
- 1.6 Lượng giá/đóng hồ sơ
- 2. Một số kỹ năng trong công tác xã hội với gia đình
- 2.1 Vãng gia
- 2.2 Kỹ năng quan sát
- 2.3 Kỹ năng biện hộ
- 2.4 Kỹ năng vẽ sơ đồ phá hệ
- 2.4.1 Các bước hướng dẫn vẽ sơ đồ phá hệ
- 2.4.2 Một số lưu ý khi hướng dẫn vẽ sơ đồ phá hệ.
- 2.4.3 Kỹ năng tổ chức các buổi họp gia đình

13. Đội ngũ giảng viên giảng dạy

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
1	Nguyễn Trung Hải	TS	An sinh xã hội
2	Nguyễn Huyền Linh	ThS	Công tác xã hội
3	Nguyễn Thị Liên	ThS	Công tác xã hội
4	Lê Thị Thủy	ThS	Công tác xã hội
5	Đặng Quang Trung	ThS	Xã hội học
6	Nguyễn Phương Anh	ThS	Công tác xã hội
7	Đỗ Thị Ngọc Bích	ThS	Công tác xã hội

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Học phần này bao gồm 03 tín chỉ với thời gian lên lớp là 50 tiết (40 tiết lý thuyết, 10 tiết thảo luận nhóm và làm bài tập, bài kiểm tra).

Sinh viên sẽ cần phải làm 1 bài kiểm tra trên lớp và 1 bài thi kết thúc học phần.

- Để hoàn thành học phần sinh viên cần:
- Dự lớp: 80% số giờ trở lên
- Đọc tài liệu có liên quan đến học phần
- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- Làm bài tập (ở nhà và trên lớp) có liên quan đến học phần
- Trao đổi tích cực và thực hiện 01 bài thảo luận nhóm
- Phát biểu tích cực
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ
- Để hoàn thành học phần sinh viên cần tích cực và chủ động nghiên cứu các tài liệu, hoàn thiện các bài tập và bài thảo luận nhóm được giao trước khi đến lớp.
- Giảng viên cần chuẩn bị kỹ các nội dung bài giảng trước khi lên lớp. Đưa ra các yêu cầu về thảo luận, bài tập nhóm đầy đủ, rõ ràng nhằm phát huy tính sáng tạo và chủ động nghiên cứu của sinh viên.
- Sau 01 năm cần rà soát lại nội dung của đề cương này để đảm bảo tính cập nhật và phù hợp với thực tiễn thực hiện chương trình.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Hà Xuân Hùng